TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **213**/2019/DS-PT
Ngày: 28/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc
Các Thẩm phán: 1/- Bà Huỳnh Thị Bích Vân.
2/- Bà Lê Thị Minh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLPT-DS ngày 26/8/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lữ P**. sinh năm: 1930.
Bà **Trần Thị Bích N**. sinh năm: 1940.
Địa chỉ: Điện Biên P, Phường Z, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Đức H**. sinh năm: 1969. Địa chỉ: Quốc Lộ 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà **Trần Diễm T**. Địa chỉ: Cùng địa chỉ bị đơn.
- Bà **Vũ Thị Xuân G**. sinh năm: 1957.
- Ông **Nguyễn Bá Nh**. sinh năm: 1956.
Địa chỉ: Đề T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Khắc P. sinh năm: 1971. Địa chỉ: Lê Hồng P, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019).

4. Người kháng cáo: bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Lữ P, bà Trần Thị Bích N trình bày:*
Cuối năm 2008 ông, bà có cho ông Vũ Đức H vay 34 lượng vàng SJC, thời hạn 06 tháng, lãi trả hàng tháng quy ra tại thời điểm thanh toán theo mức

1,5%/tháng. Đến hạn, ông H không trả đúng thỏa thuận, hẹn nhiều lần và có xác nhận nợ. Ông H có thế chấp cho ông, bà phần đất diện tích 399,9m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01067.QSDĐ ngày 12/6/2005 do bà Vũ Thị Xuân G đứng tên (là chị ruột của ông H). Khi thế chấp ông H có xuất trình đơn xác nhận chữ ký do bà G lập ngày 14/7/2008, nội dung là bà G ủy quyền cho ông H mượn giấy chứng nhận trên để vay vốn kinh doanh. Chính vì ông H có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy ủy quyền của bà G xác nhận của chính quyền địa phương nên vợ chồng ông mới dùng hết tiền dưỡng già của mình cho ông H mượn. Do bị đơn không trả số vàng mượn theo cam kết, nên ông liên hệ với bà G để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vào ngày 05/8/2014 bà G lập cam kết với nội dung "*Tôi cam kết có trách nhiệm đôn đốc em tôi trả nợ trong 06 tháng. Nếu trong 06 tháng em tôi không trả được số lượng 34 lượng vàng SJC và tiền lãi, tôi có trách nhiệm số nợ nói trên*".

Tuy nhiên đến nay ông H vẫn chưa trả vốn và lãi. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 34 lượng vàng SJC và lãi từ ngày 14/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,5%/tháng. Đề nghị bà G thực hiện nghĩa vụ cam kết trả thay; nếu ông H và bà G không trả hết nợ đề nghị cho nguyên đơn được yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông bà nói trên.

* <u>*Bị đơn ông Vũ Đức H*</u>: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

* <u>*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Xuân G và ông Nguyễn Bá Nh trình bày*</u>:

Năm 2008 bị đơn có mượn của bà G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hạn 03 tháng để đi vay tiền làm công trình. Năm 2014 ông P có mời bà lên nhà soạn sẵn tờ cam kết và đề nghị bà chép lại, với nội dung: "*đôn đốc ông H trả nợ*". Nay nguyên đơn yêu cầu bà G trả nợ thay cho bị đơn, ông bà không đồng ý. Vì việc ông H vay vàng và thế chấp Giấy CNQSDĐ của bà cho nguyên đơn, ông H không có thông báo cho bà biết. Hiện nay Giấy CNQSDĐ trên là tài sản chung của ông bà, nên không thể một mình bà G tự định đoạt được. Vả lại, việc thế chấp trên không có công chứng, chứng thực. Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 14/11/2018 bà G đã chứng minh và cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông H và ông D. Điều đó cho thấy ông H có tài sản để thanh toán nợ cho ông P. Hiện tại nguyên đơn đang quản lý Giấy CNQSDĐ do bà G đứng tên. Ông bà yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy CNQSDĐ nói trên cho ông bà và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn vì số nợ trên ông H, bà T vay thì họ tự chịu trách nhiệm.

* <u>*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Diễm T*</u>: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ P và bà Trần Thị Bích N.

Bác yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị Xuân G và ông Nguyễn Bá Nh.

Buộc ông Vũ Đức H và bà Trần Diễm T có trách nhiệm trả cho ông Lữ P và Trần Thị Bích N số tiền 1.338.580.000đ.

Nếu ông H bà T không trả hết nợ cho nguyên đơn thì bà Vũ Thị Xuân G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền mà ông H bà Thủy có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

Về thời gian và cách trả do Cơ quan thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm nguyên đơn phải trả lại Giấy CNQSDĐ khi người có nghĩa vụ thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/7/2019 bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh kháng cáo cho rằng: bà G chỉ cam kết có trách nhiệm tìm mọi cách để đôn đốc, nhắc nhở ông H trả nợ chứ không cam kết trả nợ thay. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông bà buộc nguyên đơn trả lại giấy CNQSDĐ do bà G đứng tên và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà G có trách nhiệm trả nợ thay bị đơn.

Ngày 07/10/2019 Tòa án cấp phúc thẩm nhận được "*Đơn rút khởi kiện đề ngày 02/10/2019*" của nguyên đơn (theo đường Bưu điện) và ngày 08/10/2019 nguyên đơn thông qua bà Lữ Thị Đoan Tr trực tiếp nộp Đơn rút khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 12/11/2019 Tòa án cấp phúc thẩm ra Thông báo số 132/TB-TA về việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện cho bị đơn và các đương sự liên quan được biết; đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết Thông báo nói trên theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo xác định do nguyên đơn đã rút khởi kiện, nên bà G, ông Nh cũng đồng ý việc rút khởi kiện của nguyên đơn và ông bà cũng rút lại một phần kháng cáo về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà G, vẫn giữ kháng cáo về yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy CNQSDĐ. Nguyên đơn, bị đơn và bà Trần Diễm T vắng mặt.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn rút khởi kiện; Tòa án cấp phúc thẩm đã niêm yết Thông báo việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện theo quy định; bà G, ông Nh rút một phần kháng cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bà G; chấp nhận một phần kháng cáo của bà G, ông Nh và buộc nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G, ông Nh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả nợ vốn và lãi đã vay; yêu cầu bà G phải trả nợ thay như đã cam kết nếu vợ chồng bị đơn không trả được nợ; được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bị đơn thế chấp đảm bảo nợ vay có sự đồng ý của bà G bằng văn bản nếu trường hợp ông H, bà G không trả hết nợ. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ "Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị Xuân G và ông Nguyễn Bá Nh có kháng cáo. Tuy nhiên: Trước khi Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa, thì ngày 07/10/2019 Tòa án cấp phúc thẩm nhận được "*Đơn rút khởi kiện đề ngày 02/10/2019*" của nguyên đơn (theo dấu công văn đến của Tòa án). Đồng thời ngày 08/10/2019 bà Lữ Thị Đoan Tr (đại diện phía nguyên đơn) trực tiếp đến Tòa án nộp thêm Đơn rút khởi kiện đề ngày 02/10/2019 của nguyên đơn.

Do bị đơn vắng mặt trong suốt quá giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện việc hỏi ý kiến bị đơn về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, ngày 12/11/2019 Tòa án cấp phúc thẩm ra Thông báo số 132/TB-TA về việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện cho bị đơn, người liên quan trong vụ án được biết và tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo nói trên vào ngày 13/11/2019 theo quy định.

Như vậy, xem như bị đơn không có ý kiến phản đối việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Bị đơn và vợ là người có liên quan bà Trần Diễm T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296, điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với người liên quan có yêu cầu độc lập là bà Vũ Thị Xuân G, ông Trần Bá Nho có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền xác định do nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện, nên bà G, ông Nh cũng đồng ý việc rút khởi kiện của nguyên đơn và ông bà cũng rút lại một phần kháng cáo về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà G, vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về phần buộc nguyên đơn trả lại giấy CNQSDĐ cho ông bà. Xét trong trường hợp này, do nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện và vụ án được đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà G không còn là chủ thể liên quan đến khởi kiện của nguyên đơn nữa. Vì vậy, nguyên đơn không có quyền giữ giấy CNQSDĐ của bà G. Bởi lẽ:

Việc bị đơn thế chấp quyền sử dụng đất của bà G, ông Nh cho nguyên đơn là không phù hợp quy định pháp luật, không lập thành văn bản, không công chứng, chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm, vi phạm khoản 1 Điều 130 Luật đất đai năm 2003 và Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, việc thế chấp không phát sinh hiệu lực với người có tài sản thế chấp và tài sản thế chấp. Mặt khác, đây là tài sản chung của bà G, ông Nh nhưng cá nhân bà G ký ủy quyền cho bị đơn toàn quyền giao dịch tài sản này là không hợp pháp. Do đó nguyên đơn không được quyền lưu giữ giấy CNQSDĐ của bà G, phải trả lại cho bà G ông Nh như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà G, ông Nh được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 296, điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ P, bà Trần Thị Bích N.

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về: yêu cầu bị đơn ông Vũ Đức H trả 34 lượng vàng SJC và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 14/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm; bà Vũ Thị Xuân G thực hiện nghĩa vụ cam kết trả thay và quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nếu ông H và bà G không trả hết nợ.

2/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Xuân G về việc: không đồng ý trả nợ thay cho bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh. Buộc ông Lữ P, bà Trần Thị Bích N giao trả cho bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC503303 (số vào sổ H01067.QSDĐ) do UBND quận Ninh Kiều cấp ngày 12/6/2005 tên bà Vũ Thị Xuân G.

3/- Về án phí: Ông Vũ Đức H, bà Trần Diễm T phải chịu 52.157.400đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tiền tạm ứng án phí đã nộp: Nguyên đơn được nhận lại 24.250.000đ theo Biên lai số 003966 ngày 06/11/2015; Bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh được nhận lại 300.000đ theo Biên lai số 00359 ngày 19/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Vũ Thị Xuân G, ông Nguyễn Bá Nh không phải chịu, nên được nhận lại 300.000đ theo Biên lai số 008216 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Ninh Kiều.
- Chi cục THADS.Ninh Kiều.
- Lưu (HS - 2b).